

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG VN)

[Việt Nam / Bán lẻ]

Bloomberg Ticker (MWG VN) | Reuters Ticker (MWG.HM)

MUA

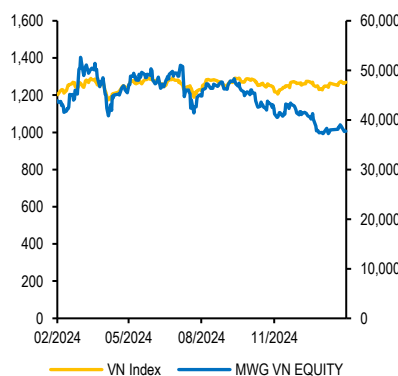
Báo Cáo Cập Nhật

Giá mục tiêu (12 tháng) **70,400 VND**Giá hiện tại (27/02/2025) **58,600 VND**Suất sinh lời (%) **20.1%**

VNINDEX	1,307
P/E thị trường (x)	10.4
Vốn hóa (tỷ VND)	85,789
SLCP đang lưu hành (triệu)	1,461
SLCP tự do giao dịch (triệu)	1,177
Tỷ lệ tự do giao dịch (%)	80.5
52 tuần cao/thấp (VND)	70,800/44,400
KLGD bình quân 90 ngày (triệu CP)	5.96
GTGD bình quân 90 ngày (tỷ VND)	304
Beta (12T)	1.2

Công ty TNHH MTV Tư Vấn đầu tư Thế giới Bán lẻ	10.49
Nhóm quỹ Dragon Capital	7.95

Biến động giá	3T	6T	12T
Tuyệt đối (%)	-2.5	-15.9	31.2
Tỷ đối với VN-Index (%)	-7.4	-17.7	25.9



Nguồn: Bloomberg

Nguyễn Lê Hoài Phúc – Chuyên viên phân tích

☎ (84-28) 6299-8025

✉ phuc.nlh@shinhan.com

Tăng trưởng đồng đều từ các chuỗi bán lẻ

Cập nhật khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 70,400 đồng

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (Mobile World, HSX: MWG) là doanh nghiệp bán lẻ đầu ngành ở Việt Nam, có hệ sinh thái đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. MWG duy trì vị thế là nhà bán lẻ điện thoại di động, điện máy số 1 Việt Nam (chiếm hơn 50% toàn thị trường); là nhà bán lẻ hàng tiêu dùng, có chuỗi cửa hàng bách hóa đạt doanh số lớn nhất toàn quốc.

MWG là cổ phiếu đầu ngành bán lẻ và là một khoản đầu tư xứng đáng nhờ: (i) KQKD năm 2024 cải thiện rõ rệt, kỳ vọng duy trì tăng trưởng trong năm 2025 nhờ triển vọng kinh tế tích cực; (ii) Bách hóa Xanh hoàn tất giai đoạn tái cấu trúc, kỳ vọng đóng góp lợi nhuận cả năm cho Tập đoàn từ năm 2025; (iii) KQKD của các chuỗi bán lẻ khác chuyển biến tích cực, kỳ vọng tăng tốc rõ rệt từ giai đoạn FY26-27 (AvaKids, An Khang, EraBlue). Dựa trên phương pháp FCFF và PS, chúng tôi cập nhật giá mục tiêu hiện tại ở mức 70,400 đồng, khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu MWG.

Cập nhật KQKD FY2024: Doanh thu và LNST lần lượt đạt 134,341 tỷ đồng (+13.6% y/y) và 3,733 tỷ đồng (tăng gấp 22.2 lần y/y), hoàn thành 107% và 155% mục tiêu năm 2024.

ICT-CE: Năm 2024, doanh thu bán lẻ ICT tăng 7% y/y, đóng góp 67% tổng doanh thu. Sau giai đoạn tái cấu trúc "giảm lượng, tăng chất", tốc độ đóng cửa chuỗi TGDD, ĐMX dần hạ nhiệt. Các chuỗi ICT-CE bắt đầu tập trung mở rộng danh mục bán hàng, hợp tác với nhiều đối tác tài chính lớn (Home Credit, VPBank).

BHX: Năm 2024, doanh thu tăng +30% y/y, chiếm 30.6% doanh thu hợp nhất. Doanh thu bình quân đạt 1.9-2.1 tỷ đồng/tháng/cửa hàng (+26% y/y). Việc BHX ghi nhận lãi cả năm 2024 tạo động lực tăng trưởng cho MWG ở các năm sắp tới.

Triển vọng năm 2025: Chúng tôi dự phóng doanh thu và LNST của MWG năm 2025 lần lượt đạt 150,628 tỷ đồng (+12.1% y/y) và 5,010 tỷ đồng (+34.2% y/y) - cao hơn 3% so LNST kế hoạch của công ty. Năm 2025, MWG dự kiến trả cổ tức tiền mặt và mua lại cổ phiếu quỹ trong năm 2025 nhằm củng cố quyền lợi của nhà đầu tư.

ICT-CE không mở rộng trong năm 2025 và tiếp tục tối ưu các cửa hàng hiện hữu; đặt mục tiêu doanh thu tăng tối thiểu 4.5% y/y. Chuỗi EraBlue dự kiến mở mới 60 cửa hàng năm 2025, kỳ vọng doanh thu +50% y/y, duy trì là nhà bán lẻ điện máy số 1 Indonesia và sẽ đóng góp lợi nhuận cả năm cho MWG.

BHX: Sau gần 2 năm tập trung tái cấu trúc và cải thiện khả năng sinh lời, BHX sẽ mở mới 200-400 cửa hàng trong năm 2025, chủ yếu ở các tỉnh miền Trung. BHX đặt mục tiêu doanh thu tăng tối thiểu 17% y/y; LNST dự kiến đạt 500 tỷ đồng.

Chuỗi An Khang: Kỳ vọng hòa vốn vào Q2.2025 và cân nhắc việc mở rộng.

Chuỗi AvaKids: Kỳ vọng doanh thu tăng trên 10% y/y và đóng góp lợi nhuận cả năm cho Tập đoàn.

Rủi ro: (1) Rủi ro cạnh tranh; (2) Rủi ro lực cầu tiêu dùng yếu; (3) Rủi ro đa dạng hóa các mảng kinh doanh; (4) Rủi ro giảm giá hàng tồn kho.

Năm	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu (tỷ VND)	133,405	118,280	134,341	150,628	165,872
LN từ HĐKD (tỷ VND)	6,575	1,047	5,227	6,565	8,399
Lợi nhuận ròng (tỷ VND)	4,102	168	3,733	5,010	6,342
EPS (VND)	2,810	115	2,546	3,426	4,340
BPS (VND)	16,321	15,944	19,921	22,146	26,039
OPM (%)	4.9	0.9	3.9	4.4	5.1
NPM (%)	3.1	0.1	2.8	3.3	3.8
ROE (%)	18.5	0.7	14.5	16.6	18.0
PER (x)	22.4	381.6	17.2	17.0	13.4
PBR (x)	3.8	2.8	2.3	2.6	2.2
EV/EBITDA (x)	8.5	11.8	6.4	9.0	8.6

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. does and seeks to do business with companies covered in its research reports. As a result, investors should be aware that the firm may have a conflict of interest that could affect the objectivity of this report. Investors should consider this report as only a single factor in making their investment decision. Analysts employed by Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd., or a non-US affiliate thereof, are not registered/qualified as research analysts with FINRA, may not be associated persons of the member and may not be subject to FINRA restrictions on communications with a subject company, public appearances and trading securities held by a research analyst account. For analyst certification and important disclosures, refer to the Compliance & Disclosure Notice at the end of this report.



Định giá và khuyến nghị

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 70,400 đồng

Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá FCFF và PS, với tỷ trọng lần lượt là 40% và 60% để định giá mã cổ phiếu MWG. Chúng tôi cập nhật và đưa ra khuyến nghị **MUA** với giá mục tiêu đạt 70,400 đồng.

Chi phí sử dụng vốn bình quân (WACC)

WACC (%)	10.0
Lãi suất phi rủi ro (%)	3.1
Phần bù rủi ro vốn cổ phần (%)	8.35
Beta	1.14
Chi phí nợ (%)	2.6
Chi phí sử dụng vốn (%)	12.6
Tỷ lệ nợ trên vốn	0.32
Giá trị nợ vay (tỷ VND)	27,300

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Mô hình định giá FCFF

Đơn vị: tỷ VND	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F
LN ròng	5,010	6,346	6,062	7,662	8,787
Cộng: Lãi vay sau thuế	742	786	850	874	900
Cộng: Các chi phí không bằng tiền	2,992	1,515	902	3,072	3,419
Trừ: Thay đổi vốn lưu động	1,183	860	1,026	3,048	721
Trừ: Vốn đầu tư	2,486	3,125	3,174	2,756	3,717
Dòng tiền tự do (FCFF)	5,075	4,662	3,614	5,804	8,668
Tỷ lệ chiết khấu	0.91	0.83	0.75	0.68	0.62
Giá trị hiện tại của dòng tiền tự do	4,614	3,854	2,716	3,965	5,385
Tốc độ tăng trưởng dài hạn	2.0%				
Giá trị hiện tại của giá trị dài hạn	68,752				
Giá trị doanh nghiệp	89,286				
Trừ: Nợ vay	27,300				
Cộng: Số dư tiền	34,222				
Trừ: Lợi ích cổ đông thiểu số	364				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tỷ cp)	1.46				
Giá mục tiêu (VND) (làm tròn)	65,580				

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Đối với phương pháp PS, chúng tôi thu thập dữ liệu từ các doanh nghiệp cùng ngành nghề và có quy mô tương đồng với MWG, hoạt động trong nước và khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Phương pháp PS: PS forward ở mức 0.71x, được tính từ giá trị PS bình quân của các doanh nghiệp cùng ngành và giá trị bình quân PS 4 năm quá khứ của MWG. Dự phóng doanh thu trên mỗi cổ phiếu ở mức 103,050 đồng/cp - tương ứng giá mục tiêu 12 tháng MWG ở mức 73,600 đồng.

Tóm tắt mô hình định giá PS

Phương pháp	Tỷ suất hiện tại của MWG	Tỷ suất trung bình 4 năm quá khứ của MWG	Trung bình các DN trong ngành	Tỷ suất dự phóng áp dụng	Giá mục tiêu (đồng)
PS	0.63x	0.67x	0.74x	0.71x	73,600

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

So sánh các doanh nghiệp trong ngành

Ngành	Tên công ty	Quốc gia	PS	Vốn hóa (triệu USD)	Tăng trưởng doanh thu (%)	Tăng trưởng EPS TTM (%)	ROA (%)	ROE (%)
Bán lẻ ICT, thời trang, bách hóa	Mobile World	Việt Nam	0.63	3,326	13.6	2,139	5.7	14.6
	Mitra Adiperkasa	Indonesia	0.70	1,471	16.4	-13.3	6.4	16.4
Bán lẻ ICT	Com7 PCL	Thái Lan	0.82	1,511	10.6	-4.0	13.3	38.8
	FPT Digital Retail	Việt Nam	0.64	997	25.9	n.a	2.2	18.1
Phân phối ICT	Digiworld	Việt Nam	0.46	334	17.3	22.6	5.6	15.9
Bán lẻ bách hóa	Sumber Alfaria Trijaya	Indonesia	0.95	6,390	9.9	9.7	10.4	26.1
	President Chain Store Corp.	Taiwan	0.84	8,504	7.0	10.7	4.4	30.3
Trung bình			0.74x					

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Tổng quan doanh nghiệp

1. Lịch sử hình thành và phát triển

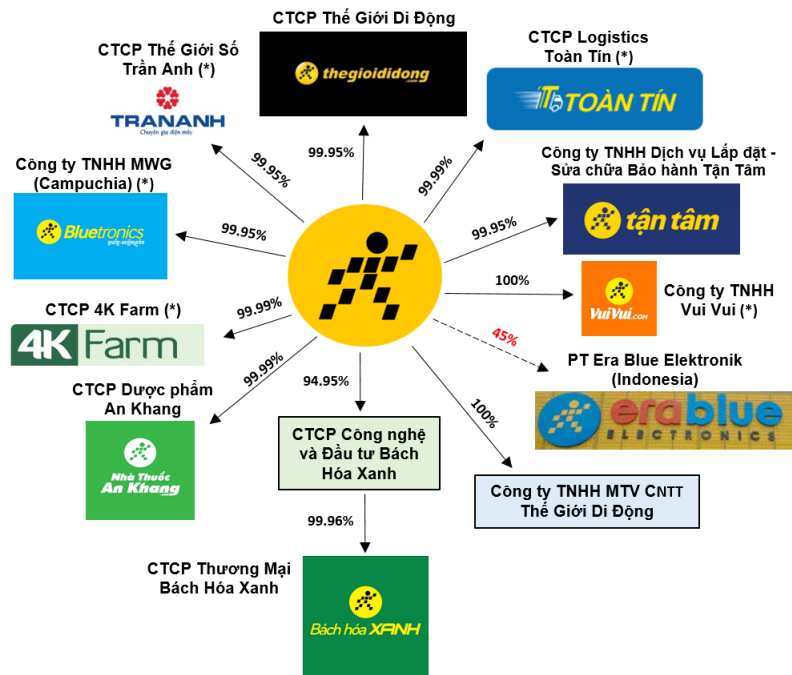
CTCP Đầu tư Thế giới Di Động (Mobile World - HSX: MWG) được thành lập từ năm 2004, có trụ sở chính ở TP. Hồ Chí Minh và chính thức niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh vào năm 2014. Từ mô hình thương mại điện tử sơ khai với một website giới thiệu thông tin sản phẩm, đến nay MWG đã trở thành một trong những công ty bán lẻ B2C đầu ngành ở Việt Nam, có hệ sinh thái bán lẻ đa dạng, đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng.

Với chiến lược bán lẻ Omni-channel, MWG tận dụng thế mạnh về công nghệ, đơn giản hóa trải nghiệm mua sắm online và tăng sự gắn bó của khách hàng với các thương hiệu của tập đoàn. Về doanh thu và tổng tài sản, năm 2024, Mobile World xếp vị trí dẫn đầu trong các công ty bán lẻ, thứ 3 trong top 10 DN tư nhân lớn nhất, và thứ 9 trong top 10 DN lớn nhất Việt Nam.

2. Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 01/01/2025, MWG có 5 công ty con ở Việt Nam và 1 công ty liên doanh liên kết tại Indonesia (EraBlue).

Hệ sinh thái MWG



(*) Ngưng hoạt động. Công ty đang trong quá trình làm thủ tục giải thể

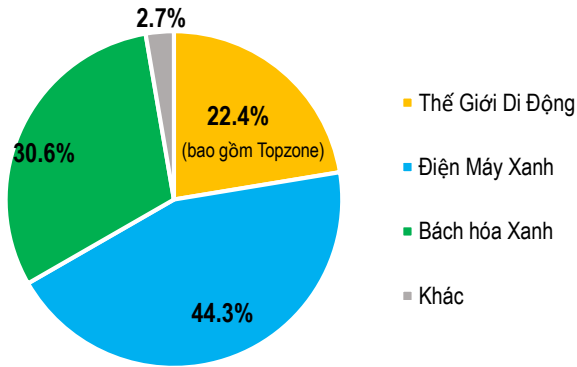
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Cuối năm 2024, MWG đang sở hữu tổng cộng 5,205 cửa hàng bán lẻ trong và ngoài nước, bao gồm: 935 cửa hàng Thế Giới Di Động (-45 YTD), 86 cửa hàng Topzone (-12 YTD), 2,026 cửa hàng Điện máy Xanh (-164 YTD), 1,770 cửa hàng Bách hóa Xanh (+72 YTD), 326 nhà thuốc An Khang (-201 YTD), 62 cửa hàng AVAKids (-2 YTD). Chuỗi EraBlue ở Indonesia hiện đang có 87 cửa hàng (+49 YTD).

3. Cơ cấu doanh thu

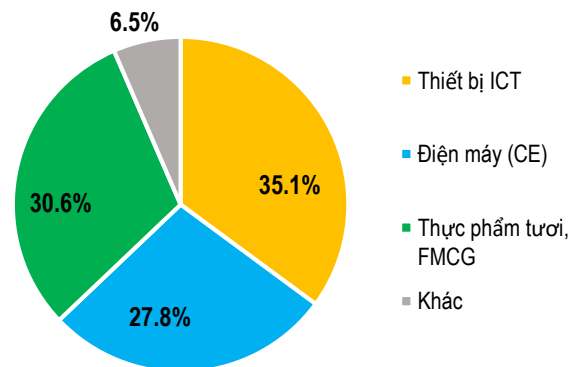
Các chuỗi bán lẻ đóng góp chính vào doanh thu của MWG: Thế Giới Di Động (TGDD) và Điện máy Xanh (DMX), Bách Hóa Xanh (BHX).

Cơ cấu doanh thu 2024 của MWG theo chuỗi



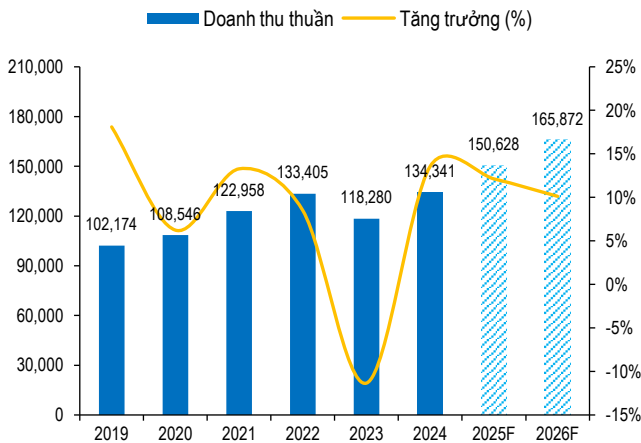
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Cơ cấu doanh thu 2024 của MWG theo ngành hàng



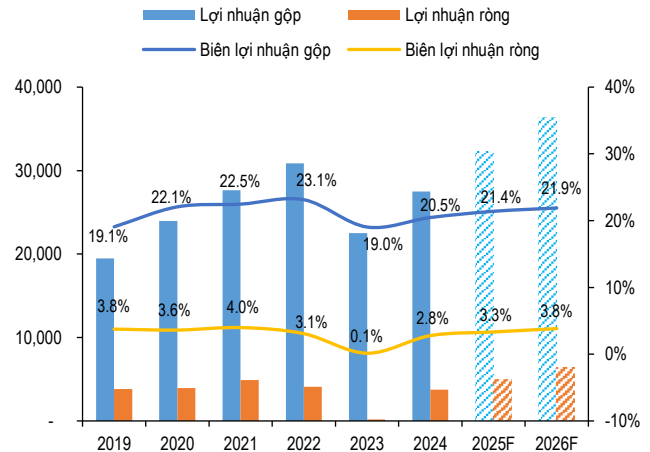
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Doanh thu thuần hợp nhất của MWG (tỷ đồng)



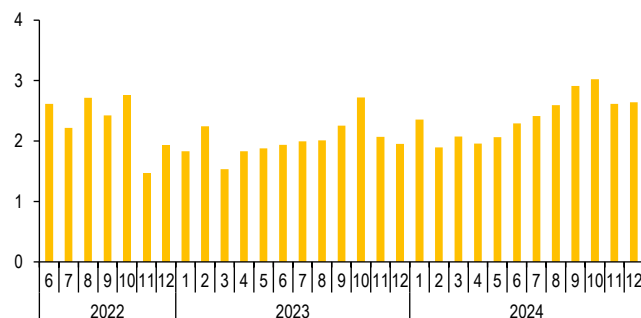
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Lợi nhuận gộp và ròng của MWG (tỷ đồng)



Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

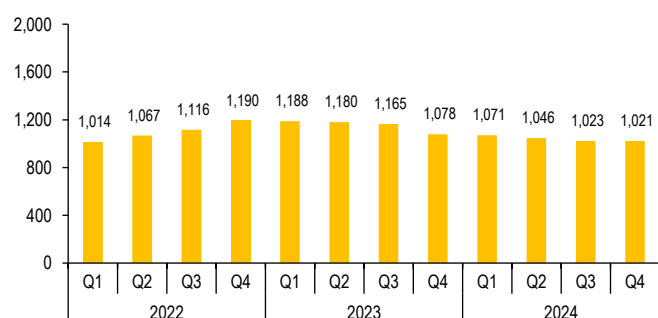
Doanh thu bình quân mỗi tháng mỗi cửa hàng ICT (tỷ đồng)



Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

(*) bao gồm chuỗi TGDD, Topzone

Cập nhật số lượng cửa hàng ICT* theo quý



Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

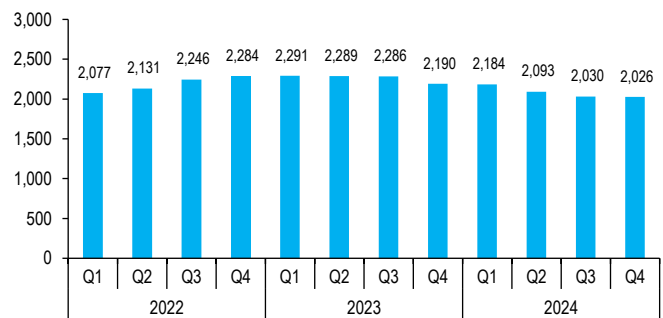
(*) bao gồm chuỗi TGDD, Topzone

Doanh thu bình quân mỗi cửa hàng ĐMX/tháng (tỷ đồng)



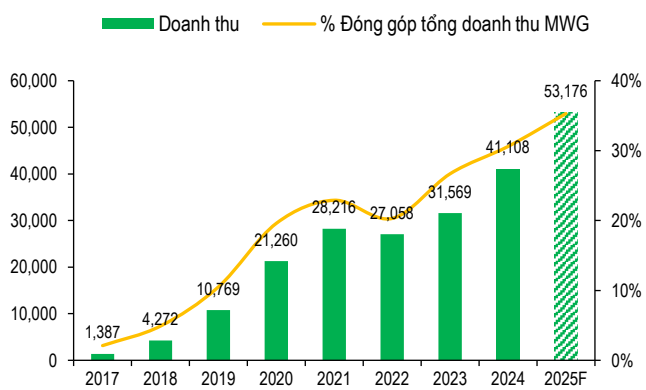
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Cập nhật số lượng cửa hàng ĐMX theo quý



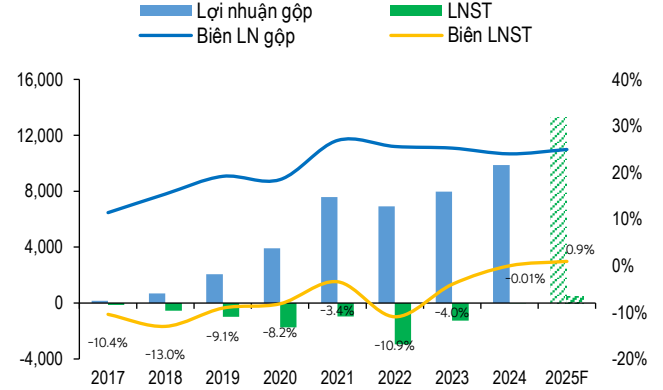
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Doanh thu BHX mỗi năm (tỷ đồng)



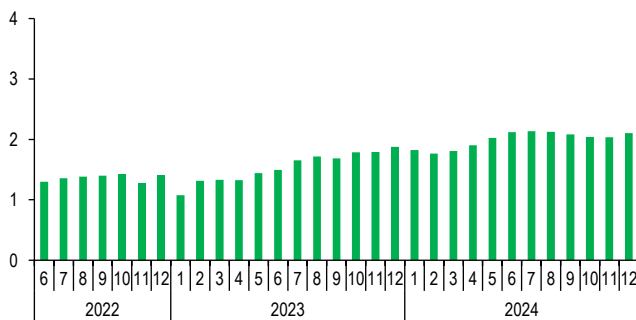
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

KQKD của BHX (tỷ đồng)



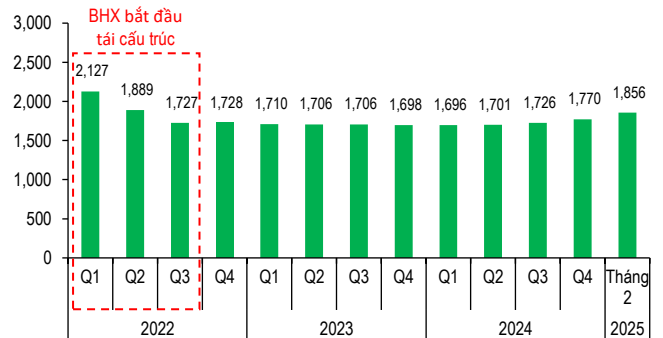
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Doanh thu bình quân mỗi tháng của mỗi cửa hàng BHX (tỷ đồng)



Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

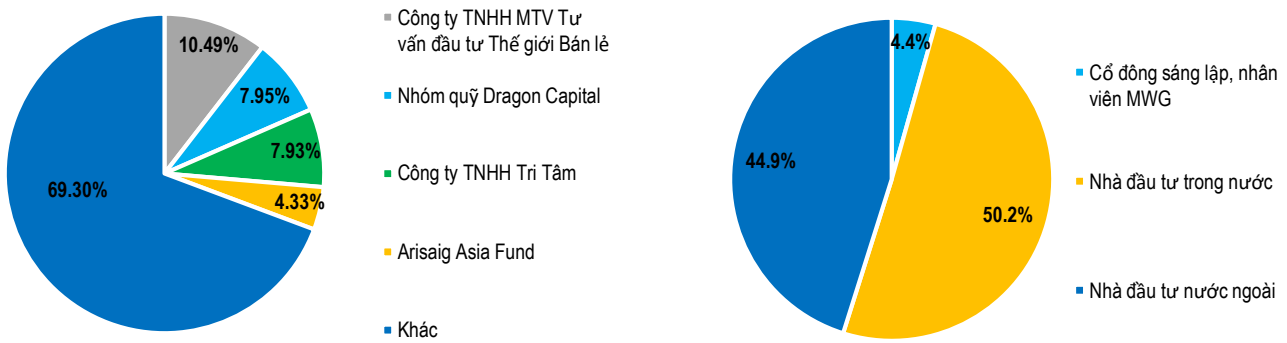
Số lượng cửa hàng BHX theo quý



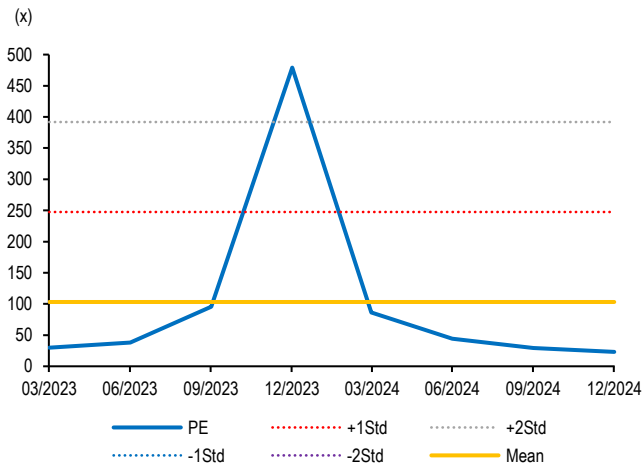
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

4. Cơ cấu cổ đông

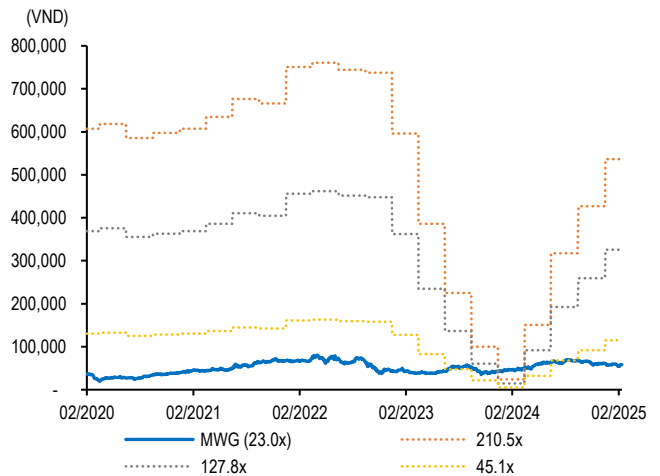
Cơ cấu cổ đông hiện tại của MWG thay đổi nhiều so với giai đoạn trước, khi cổ đông nội bộ và các quỹ lớn đã giảm sở hữu đáng kể. Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư Thế giới Bán lẻ - công ty do ông Nguyễn Đức Tài (chủ tịch HĐQT) sở hữu vẫn là cổ đông lớn nhất với tỷ lệ nắm giữ 10.5%.

Cơ cấu cổ đông của MWG (tại ngày 01/01/2025)

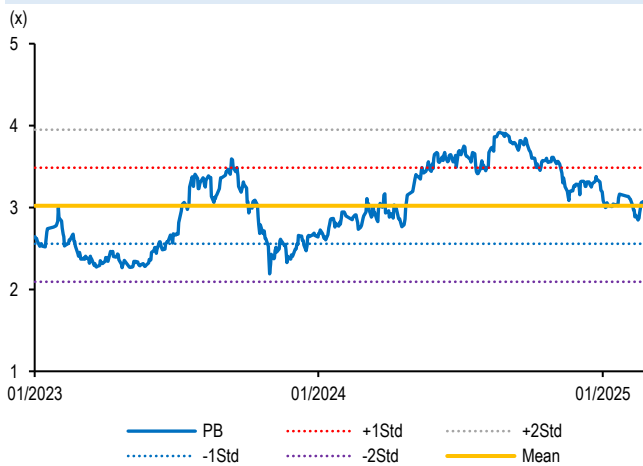
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

PER của MWG

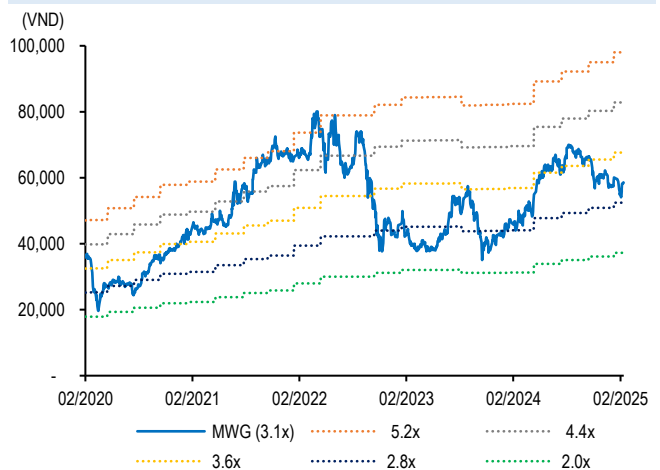
Nguồn: FinnPro, Shinhan Securities Vietnam

Biểu đồ PER của MWG

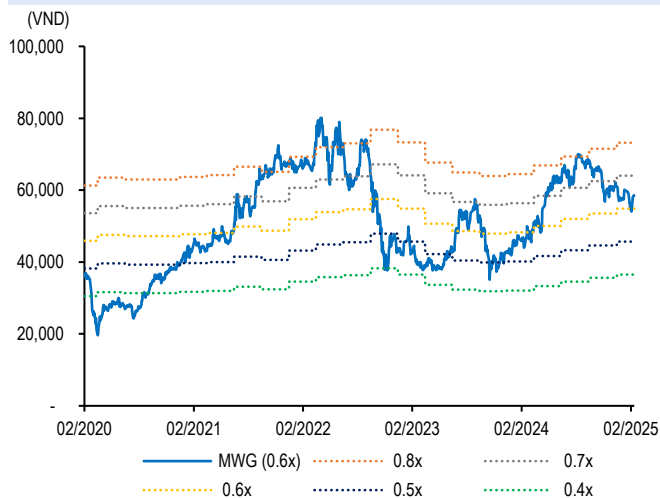
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

PBR của MWG

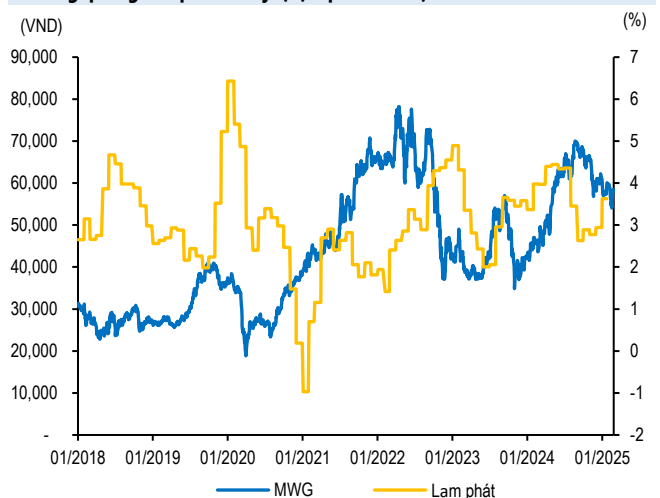
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Biểu đồ PBR của MWG

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

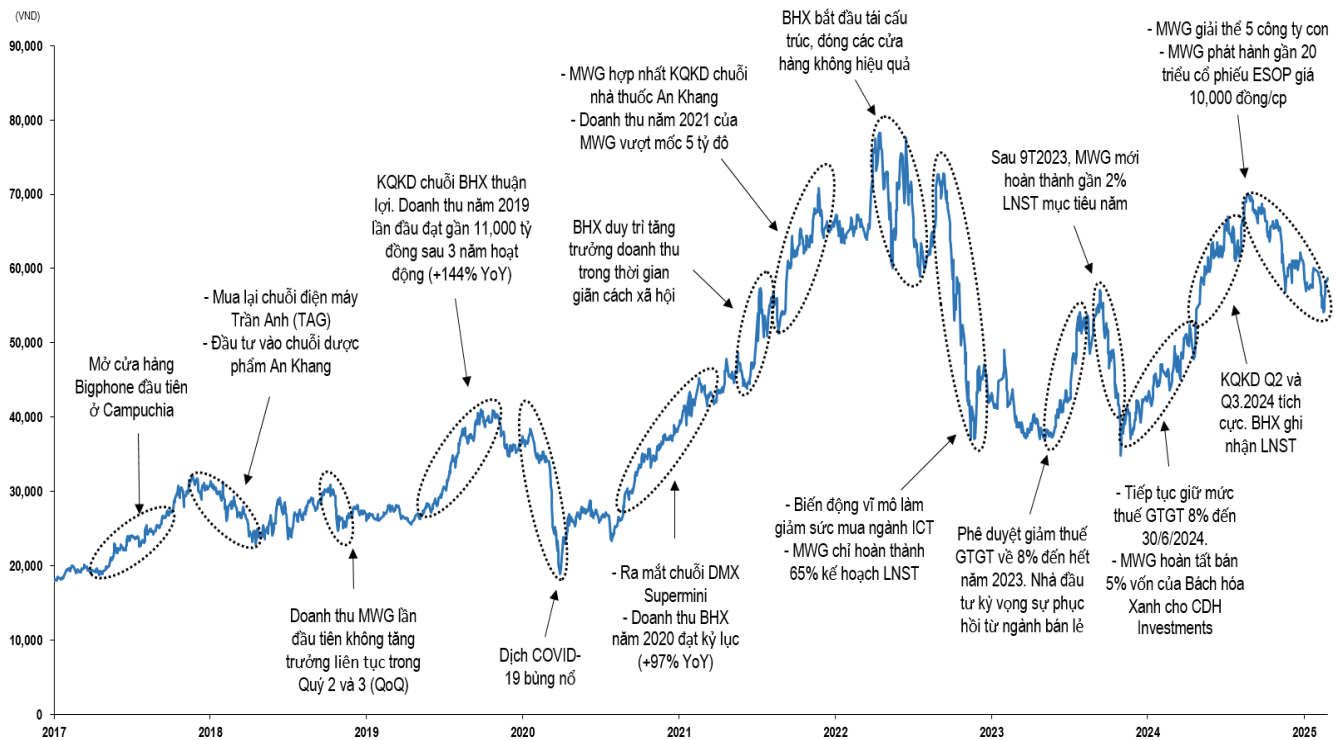
Biểu đồ PSR của MWG

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Tương quan giá cổ phiếu và Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Sự kiện quan trọng của MWG



Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Phụ lục: Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

Năm (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025F	2026F
Tổng tài sản	55,834	60,111	70,219	67,261	75,271
Tài sản ngắn hạn	44,578	51,950	65,774	62,665	69,544
Tiền và tương đương tiền	5,061	5,366	5,697	6,179	5,919
Đầu tư TC ngắn hạn	10,069	18,937	28,524	24,398	29,548
Các khoản phải thu	3,001	5,159	8,764	2,806	3,638
Hàng tồn kho	25,696	21,824	22,245	28,414	29,697
Tài sản ngắn hạn khác	750	665	544	868	742
Tài sản dài hạn	11,256	8,161	4,445	4,597	5,727
Tài sản cố định	9,728	6,500	3,587	3,191	4,722
Chi phí xây dựng cơ bản	124	4	25	0	0
Tài sản dài hạn khác	1,405	1,656	833	1,406	1,005
Tổng nợ	31,902	36,752	42,097	34,854	37,182
Nợ ngắn hạn	26,000	30,765	42,097	34,854	37,182
Khoản phải trả	8,746	7,927	9,138	11,971	12,414
Vay và nợ thuê tài chính ngắn	10,688	19,129	27,300	17,803	19,321
Khác	6,566	3,710	5,659	5,080	5,447
Nợ dài hạn	5,901	5,986	0	1	0
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5,901	5,985	0	0	0
Khác	0	1	0	1	0
Vốn chủ sở hữu	23,933	23,360	28,122	32,407	38,089
Vốn góp chủ sở hữu	14,639	14,634	14,622	14,626	14,626
Thặng dư vốn	558	558	558	558	558
Vốn khác	-3	-6	-5	-3	-4
Lợi nhuận giữ lại	8,724	8,160	12,582	16,858	22,470
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	15	13	364	367	439
*Nợ vay	16,589	25,114	27,300	17,803	19,321
*Nợ ròng (tiền)	1,459	811	(6,922)	(12,774)	(16,146)

Lưu chuyển tiền tệ

Năm (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025F	2026F
Tiền từ HĐKD	7,976	3,436	8,517	2,120	4,595
Lợi nhuận trước thuế	6,056	690	4,826	6,458	8,255
Khấu hao	3,540	3,381	2,913	2,909	1,610
(Lãi)/lỗ từ HĐ đầu tư	(349)	(1,538)	(1,729)	(2,022)	(2,310)
Thay đổi vốn lưu động	815	1,836	3,224	(1,183)	(860)
Thay đổi khác	(2,087)	(932)	(716)	(4,042)	(2,100)
Tiền từ HĐ đầu tư	1,549	(10,831)	(10,943)	2,643	(5,632)
Thay đổi tài sản cố định	(4,460)	(492)	(249)	(2,486)	(3,125)
Thay đổi tài sản đầu tư	4,872	(11,452)	(13,070)	3,666	(4,689)
Khác	1,138	1,113	2,376	1,463	2,183
Tiền từ HĐ tài chính	(8,606)	7,700	2,757	(4,281)	778
Thay đổi vốn cổ phần	193	0	1,772	4	(2)
Tiền đi vay/(trả) nợ ròng	(8,062)	8,440	1,726	(3,549)	1,518
Cổ tức đã trả	(732)	(731)	(731)	(731)	(731)
Khác	(5)	(10)	(9)	(5)	(7)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	919	304	332	481	(260)
Tổng tiền đầu năm	4,142	5,061	5,366	5,697	6,179
Thay đổi trong tỷ giá	(0.1)	0.4	0.1	0.0	0.1
Tổng tiền cuối năm	5,061	5,366	5,697	6,179	5,919

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	133,405	118,280	134,341	150,628	165,872
Tăng trưởng (%)	8.5	-11.3	13.6	12.1	10.1
Giá vốn hàng bán	(102,543)	(95,759)	(106,842)	(118,394)	(129,546)
Lợi nhuận gộp	30,862	22,521	27,499	32,234	36,326
Biên lợi nhuận gộp (%)	23.1	19.0	20.5	21.4	21.9
Chi phí BH & QLDN	(24,218)	(22,114)	(23,416)	(27,296)	(29,865)
LN từ HĐKD	6,644	407	4,084	4,938	6,461
Tăng trưởng (%)	12.7	-93.9	836.1	20.9	30.8
Biên LN từ HĐKD (%)	5.0	0.3	3.0	3.3	3.9
LN khác	(588)	283	742	1,519	1,794
Thu nhập tài chính	1,313	2,167	2,377	2,647	2,960
Chi phí tài chính	(1,383)	(1,556)	(1,188)	(987)	(1,038)
Trong đó: Chi phí lãi vay	(1,362)	(1,448)	(1,137)	(927)	(982)
Lợi nhuận ròng từ HĐKD khác	(518.3)	(328.2)	(445.9)	(140.7)	(128.0)
LNTT	6,056	690	4,826	6,458	8,255
Thuế TNDN	(1,955)	(522)	(1,092)	(1,447)	(1,908)
LNST	4,102	168	3,733	5,010	6,346
Tăng trưởng (%)	(16.3)	(95.9)	2,124.5	34.2	26.7
Biên lợi nhuận ròng (%)	3.1	0.1	2.8	3.3	3.8
LNST cổ đông công ty mẹ	4,100	168	3,722	5,007	6,342
Lợi ích CĐT S	2	0	11	3	4
LN trước thuế và lãi vay	7,418	2,137	5,963	7,385	9,236
Tăng trưởng (%)	3.8	(71.2)	179.0	23.8	25.1
Biên LN (%)	5.6	1.8	4.4	4.9	5.6
LN trước thuế, lãi vay và khấu hao	10,959	5,518	8,876	10,294	10,846
Tăng trưởng (%)	8.9	(49.6)	61.7	16.0	5.4
Biên LN (%)	8.2	4.7	6.6	6.8	6.5

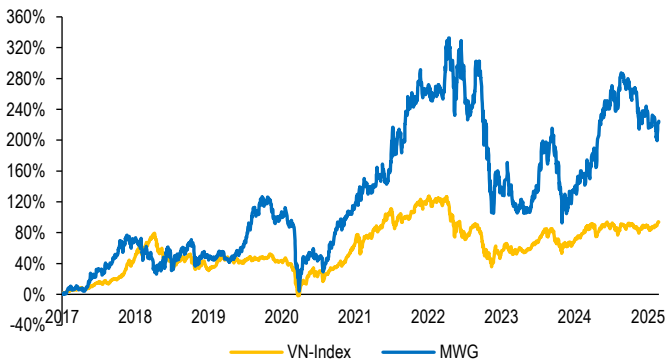
Các chỉ số chính

Năm	2022	2023	2024	2025F	2026F
EPS (đồng)	2,810	115	2,546	3,426	4,340
BVPS (đồng)	16,321	15,944	19,216	22,146	26,039
PER (x)	15.1	372.2	17.2	17.0	13.4
PBR (x)	2.6	2.7	2.3	2.6	2.2
EV/EBITDA (x)	5.8	11.5	6.4	9.0	8.6
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	18	0	20	15	12
Lãi cổ tức (%)	1.2	1.2	1.1	0.8	0.8
Khả năng sinh lời					
Biên EBITDA (%)	8.2	4.7	6.6	6.8	6.5
Biên LN từ HĐKD (%)	5.0	0.3	3.0	3.3	3.9
Biên LNST (%)	3.1	0.1	2.8	3.3	3.8
ROA (%)	7.3	0.3	5.3	7.4	8.4
ROE (%)	17.1	0.7	13.3	15.5	16.7
Khả năng tài chính					
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (%)	69.3	107.5	97.1	54.9	50.7
Nợ vay ròng/EBITDA (%)	13.3	14.7	(78.0)	(124.1)	(148.9)
Tỷ số thanh toán tiền mặt (%)	58.2	79.0	81.3	87.7	95.4
Khả năng thanh toán lãi vay (x)	5.4	1.5	5.2	8.0	9.4
Hiệu quả hoạt động (%)					
Số ngày vốn lưu động (ngày)	41	47	45	38	35
Số ngày hàng tồn kho (ngày)	97	90	75	89	85
Số ngày khoản phải thu (ngày)	1	1	1	1	1

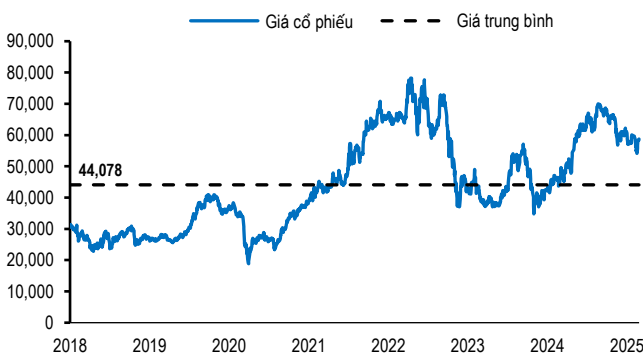
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG VN)

Diễn biến giá



Giá mục tiêu



Ngày	Khuyến nghị	Giá mục tiêu (VND)	Khoảng giá MT (%)	
			TB	Max/ Min
26/04/2023 (BC lần đầu)	MUA	51,900	-4.6	-33.7/39.0
18/08/2023 (BC cập nhật)	GIỮ	50,150	6.2	-31.7/34.3
07/11/2023 (BC cập nhật)	MUA	50,400	13.9	-12.3/43.6
20/02/2024 (BC cập nhật)	GIỮ	50,150	13.9	-12.8/42.9
22/04/2024 (BC cập nhật)	GIỮ	50,000	10.0	-13.0/42.5
24/06/2024 (BC cập nhật)	GIỮ	65,000	33.4	2.4/86.7
11/11/2024 (BC cập nhật)	GIỮ	71,000	28.0	1.4/91.9
27/02/2025 (BC cập nhật)	MUA	70,400	29.3	-2.9/102.2

Lưu ý: Tính toán chênh lệnh giá mục tiêu dựa trên 12 tháng qua

Shinhan Securities Vietnam

Cổ phiếu

- ♦ **MUA:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng từ 15% trở lên
- ♦ **GIỮ:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng từ -15% đến 15%
- ♦ **BÁN:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng thấp hơn -15%

Ngành

- ♦ **TÍCH CỰC:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị MUA
- ♦ **TRUNG LẬP:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị GIỮ
- ♦ **TIÊU CỰC:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị BÁN

Compliance & Disclosure Notice

Analyst Certification

- ♦ The following analysts hereby certify that their views about the companies and securities discussed in this report are accurately expressed and that they have not received and will not receive direct or indirect compensation in exchange for expressing specific recommendations or views in this report: Phuc Nguyen

Important Disclosures & Disclaimers

- ♦ As of the date of publication, Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. does not beneficially own 1% or more of any class of common equity securities of the following companies mentioned in this report: MWG VN
- ♦ Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or one of its affiliates, and/or their respective officers, directors, or employees may have interests, or long or short positions, and may at any time make purchases or sales as a principal or agent of the securities of the companies mentioned in this report.
- ♦ As of the date of publication, research analysts responsible for this report and members of their households do not have any financial interest in the debt or equity securities of the companies mentioned in this report.
- ♦ Research analysts responsible for this report receive compensation based upon, among other factors, the overall profitability of Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. including profits derived from investment banking. The analysts responsible for this report may also receive compensation based upon, among other factors, the overall profitability of sales and trading businesses relating to the class of securities or financial instruments for which such analysts are responsible.
- ♦ All opinions and estimates regarding the companies and their securities are accurate representations of the research analysts' judgments and may differ from actual results.
- ♦ This report is intended to provide information to assist investment decisions only and should not be used or construed as an offer or a solicitation of an offer to buy or sell any securities. The information herein has been obtained from sources deemed reliable, but such information has not been independently verified and no guarantee, representation, or warranty, expressed or implied, is made as to its accuracy, completeness, or correctness. Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. makes the best effort but does not guarantee the accuracy, completeness, or correctness of information and opinions translated into English from original Vietnamese language materials. Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. accepts no liability whatsoever for any direct, indirect, and/or consequential loss arising from any use of this material or its contents. Stock selection and final investment decisions should be made at the investor's own and sole discretion.
- ♦ This report is distributed to our customers only, and any unauthorized use, duplication, or redistribution of this report is strictly prohibited.
- ♦ Investing in any Vietnamese securities or related financial instruments discussed in this research report may present certain risks. The securities of Vietnamese issuers may not be registered with, or be subject to the regulations of, the US Securities and Exchange Commission. Information on Vietnamese securities or related financial instruments may be limited. Foreign companies may not be subject to audit and reporting standards and regulatory requirements comparable to those in effect within the US. The value of any investment or income from any securities or related financial instruments discussed in this research report denominated in currencies other than the Vietnamese won is subject to exchange rate fluctuations that may have a positive or adverse effect on the value of or income from such securities or related financial instruments.

Distribution

- ♦ United States: This report is distributed in the US by Shinhan Investment America, Inc., a member of FINRA/SIPC, and is only intended for major US institutional investors as defined in Rule 15a-6(a)(2) of the US Securities Exchange Act of 1934. All US persons that receive this document by their acceptance thereof represent and warrant that they are major US institutional investors and have not received this report under any express or implied understanding that they will direct commission income to Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or its affiliates. Pursuant to Rule 15a-6(a)(3), any US recipient of this document wishing to effect a transaction in any securities discussed herein should contact and place orders with Shinhan Investment America, Inc., which accepts responsibility for the contents of this report in the US. The securities described herein may not have been registered under the US Securities Act of 1933, as amended, and, in such case, may not be offered or sold in the US or to US persons unless they have been registered or are in compliance with an exemption from registration requirements.
- ♦ All Other Jurisdictions: Customers in all other countries who wish to effect a transaction in any securities referenced in this report should contact Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or its affiliates only if distribution to or use by such customer of this report would not violate applicable laws and regulations and not subject Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. and its affiliates to any registration or licensing requirement within such jurisdiction.



Shinhan Investment Network

SEOUL

Shinhan Investment Corp.
Shinhan Investment Tower
23-2, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

Shanghai

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

Ho Chi Minh

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

Hong Kong

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

Ha Noi

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Indonesia

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599